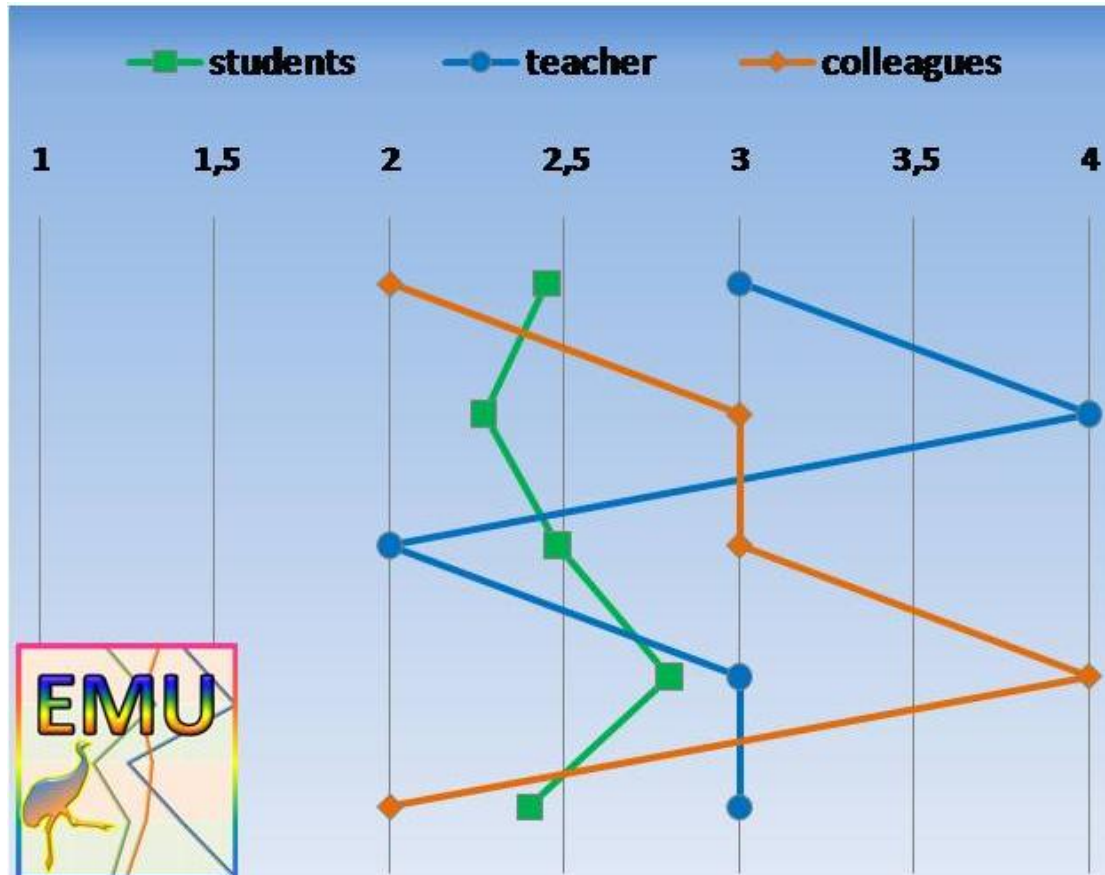


How to measure the quality of teaching? Làm thế nào để đo lường chất lượng giảng dạy?

Andreas Helmke



Hanoi, 11.12.12

Effective teaching requires empirical data

Giảng dạy hiệu quả đòi hỏi phải có dữ liệu thực nghiệm

“As a teacher, I was working as a teacher in my life flying blind - I never knew what was good or bad teaching, there were no data.”

„Là giáo viên, trong suốt cuộc đời nhà giáo của mình thầy/cô làm việc giống như bay trong sương mù. thầy/cô không thể biết là giờ giảng của mình có thành công hay không bởi vì không có các dữ liệu cần thiết“

(Dubs, 2011)

<http://www.nzzfolio.ch/www/d80bd71b-b264-4db4-afd0-277884b93470/showarticle/c74d4a85-6ad8-4a5c-9c35-74afad15136e.aspx>

Teaching and learning from different perspectives („triangulation“)

Dạy và học từ các cách nhìn khác nhau („từ ba đối tượng“)

Recent video studies show:

Các nghiên cứu giờ học bằng phương pháp ghi hình mới đây cho thấy:

- Teachers are much more active und dominant than they believe
Hoạt động của GV chiếm nhiều thời gian trên lớp hơn là của HS
- Students perceive teaching quite different from teachers' hopes and expectations

HS tiếp thụ bài học khác nhiều so với hình dung của GV

➤ **We cannot rely on self-assessment of teaching quality by teachers themselves**

Chỉ dựa vào tự đánh giá chất lượng giảng dạy của giáo viên chưa đủ

➤ **Crucial: Combination of perspectives**

Cần thiết: kết hợp cách nhìn nhận chất lượng từ các đối tượng khác nhau

Complexity of teaching (Doyle, 2006)

Tính phức hợp của hoạt động giảng dạy

- **Multidimensionality** Nhiều hoạt động cùng diễn ra
- **Simultaneity** Đồng thời
- **Immediacy** Trực tiếp trên lớp
- **Unpredictability** Không dự đoán trước
- **Publicness** Trước toàn thể lớp học
- **History** Hệ quả của phản ứng tại chỗ

Diagnosis of instruction: Why?

Vì sao cần chẩn đoán chất lượng giờ học?

- **Without a realistic self-assessment, no valid basis for improving teaching quality**

Nếu tự đánh giá không gần với thực tế sẽ không có cơ sở vững chắc để cải thiện chất lượng giờ học

- **Teachers need to be aware of their personal strengths and weaknesses:**
GV cần ý thức được điểm mạnh và điểm yếu của mình

- Introspection is not reliable

Tự quan sát chưa đủ

- Necessity of an external view

Sự cần thiết phải có cái nhìn từ bên ngoài

- Difference between self-perception and others' perception as basis for reflection and change

Sự khác biệt giữa tự đánh giá và cái nhìn từ bên ngoài chính là cơ sở để tự nhìn nhận lại và tạo điều kiện cho sự thay đổi

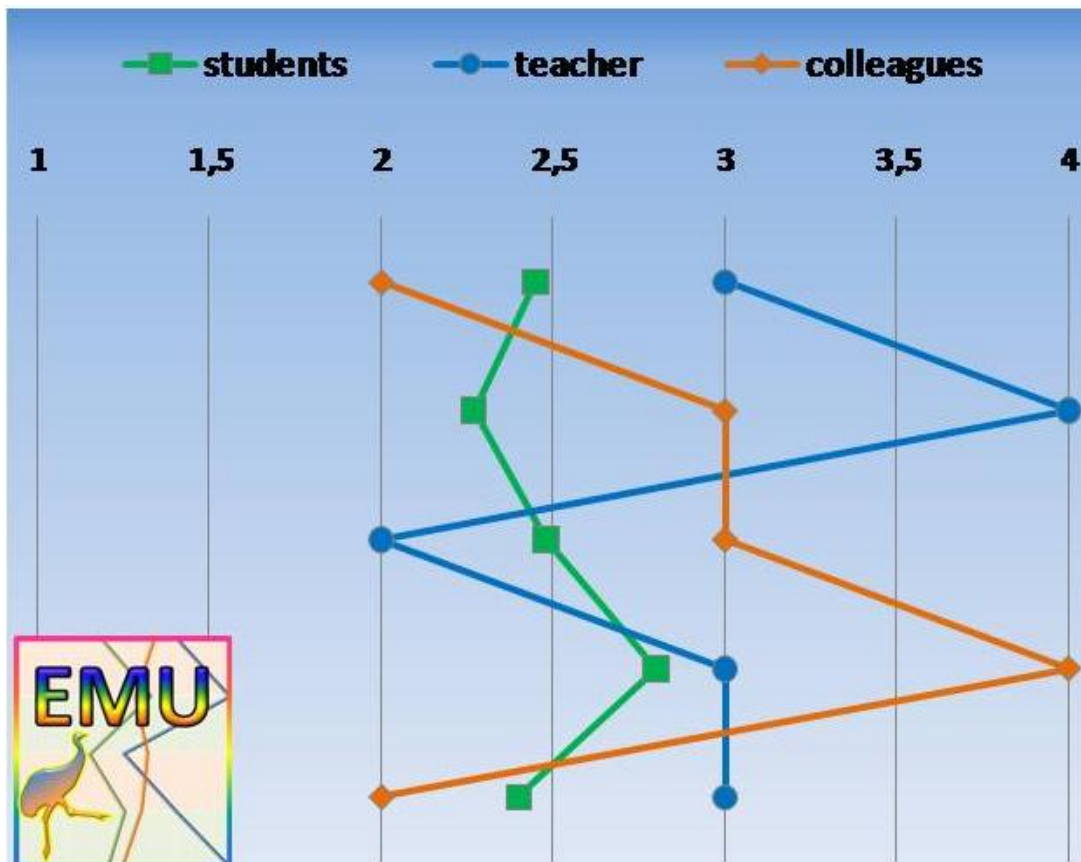
- **Development of the tool “EMU”**

for the Standing Conference of German Ministers for School & Education

Phát triển bộ công cụ "EMU" cho Hội nghị các Bộ trưởng giáo dục Đức

A new tool for evidence-based improvement of teaching and learning: EMU

Một bộ công cụ mới để cải thiện chất lượng dạy-học dựa trên các dữ liệu quan sát được của việc dạy và học: EMU



EMU



EMU instruments

Bộ công cụ EMU

- **Brochure**

Tài liệu hướng dẫn

→ www.unterrichtsdiagnostik.info

- **Questionnaires**

Bảng câu hỏi

→ www.tuyet-helmke.info

- **Software** Phần mềm xử lý kết quả

- **Powerpoint-presentation for using in schools, seminars, trainings**

Bản trình bày trên powerpoint để sử dụng trong các trường học, trong các hội thảo và các lớp tập huấn

- **Video for training (English lesson)**

Băng hình dùng cho đào tạo, tập huấn (bài học tiếng Anh)

Multiple Aims of EMU

Các mục tiêu của EMU

- **get a differentiated, data-based feedback of their own classroom instruction in order to improve quality of teaching and learning**
Giúp GV nhận được các phản hồi có căn cứ dữ liệu về giờ học của mình để nâng cao chất lượng dạy và học
- **become aware of one's own subjective theories and blind spots**
Giúp GV ý thức được các quan điểm chủ quan và thiếu hụt của bản thân
- **sensitize for within-classroom diversity**
Giúp GV tăng độ nhạy cảm về sự đa dạng của các học sinh trong lớp
- **to help interpret the results and plan further steps for teaching improvement by means of cooperative effort**
Giúp GV cùng hợp tác với đồng nghiệp (dự giờ) giải thích kết quả dữ liệu thu được và lập kế hoạch cho các bước tiếp theo để cải thiện chất lượng giờ học
- **foster a cooperative work culture**
Khuyến khích văn hóa làm việc hợp tác
- **to help deprivatize teaching culture**
Khuyến khích văn hóa làm việc trong môi trường “lớp học mở”

For whom?

EMU dành cho ai sử dụng?

- **Teachers in schools**

GV trong trường học

Program for using in schools with 3 perspectives:

Chương trình dành cho trường học với 3 đối tượng

- | | |
|--|---|
| o Teacher | Giáo viên |
| o Visiting colleague(s) (invited by teacher) | Đồng nghiệp (dự giờ trực tiếp) |
| o Students (anonym) | HS (giữ nguyên tắc bảo mật KH) |
| o Colleagues (“virtual visiting”) | Đồng nghiệp (xem băng ghi hình giờ học) |

- **Pre-service teacher observation training**

Các cơ sở đào tạo giáo viên (các trường sư phạm)

- **Teachers at in-service training**

Các lớp bồi dưỡng giáo viên, các khóa thực tập, huấn luyện

Features of EMU

Nguyên tắc sử dụng EMU

- **self-explanatory: for every teacher**
Dành cho mọi GV tự nghiên cứu sử dụng
- **modular design: to meet individual needs**
Thiết kế kiểu mô-đun: đáp ứng nhu cầu cá nhân
- **for free**
Được sử dụng miễn phí

Observation and Rating of Instruction from different perspectives

Quan sát và đánh giá giờ học từ các cách nhìn khác nhau

- **Self-perception of the active teacher**
Tự đánh giá của giáo viên trực tiếp giảng dạy
- **Perception of a visiting colleague (individual feedback)**
Đánh giá của giáo viên dự giờ (phản hồi của đồng nghiệp)
- **Perception of the class (student feedback)**
Đánh giá của học sinh trong lớp (phản hồi của HS)

If the lesson is videotaped, additional perspectives are possible

Nếu giờ học được ghi hình thì có thể bổ sung thêm các ý kiến phản hồi từ các đối tượng khác

- **Questionnaires for students, teacher and colleagues with equivalent items** **Cùng một bộ câu hỏi cho ba đối tượng**
 - One concrete lesson ...về một giờ học cụ thể
 - Important quality dimensions of classroom instruction (empirically confirmed): ...về các đặc điểm chất lượng chung của giờ học (đã được kiểm nghiệm)
 - o Classroom management Điều khiển giờ học
 - o Learning climate Không khí lớp học
 - o Clarity and structuring Sự rõ ràng và cấu trúc logic của giờ học
 - o Activation Tích cực hóa hoạt động nhận thức của HS
 - Perceived lesson outcomes **Đánh giá kết quả giờ học**
 - Additional dimensions **Các đánh giá khác**
- **Wild card zone for using other instruments or developing own items** **Phần để trống để tự bổ sung thêm câu hỏi cho sát với nhu cầu sử dụng**

Item example: Reflection time

Một ví dụ: cảm nhận về thời gian

- **Teacher:** „When I asked a question, the students had enough time to reflect“.
GV: Khi thầy/cô đặt câu hỏi, các em học sinh luôn có đủ thời gian suy nghĩ câu trả lời
- **Colleague:** „When the teacher asked a question, the students had enough time to reflect“.
ĐN: Khi giáo viên đặt câu hỏi, các em học sinh luôn có đủ thời gian suy nghĩ câu trả lời
- **Student:** „When the teacher asked a question, I had enough time to reflect“.
HS: khi thầy/cô đặt câu hỏi thì em luôn có đủ thời gian suy nghĩ câu trả lời

LEARNING-FOSTERING ATMOSPHERE

Bầu không khí lớp học

Student	Phiếu HS	Phiếu GV	Teacher
The teacher handled students' contribution respectfully	Các đóng góp của chúng em được thầy/cô tôn trọng ghi nhận	Các đóng góp của học sinh được tôi tôn trọng ghi nhận	I handled students' contributions respectfully
The teacher was kind to me	Thầy/cô luôn cư xử vui vẻ, thân thiện với em	Tôi luôn cư xử vui vẻ, thân thiện với các em học sinh	I was kind to students
The teacher let me finish speaking when I made my contributions	Thầy/cô luôn để em được trình bày cho đến hết ý kiến của mình	Tôi luôn để các em học sinh được trình bày cho đến hết ý kiến của mình	I let students finish speaking when they made their contributions
When the teacher asked a question, I had enough time to reflect	Khi thầy/cô đặt câu hỏi, em luôn có đủ thời gian suy nghĩ câu trả lời	Khi tôi đặt câu hỏi, các em học sinh luôn có đủ thời gian suy nghĩ câu trả lời	When I asked a question, the students had enough time to reflect
The teacher made relaxed comments	Đôi khi thầy/cô đưa ra những nhận xét vui vẻ, hài hước	Đôi khi tôi đưa ra những nhận xét vui vẻ, hài hước	The teacher made relaxed comments
The teacher praised me appropriately for my contributions	Đóng góp của em trong giờ học được thầy/cô khen ngợi	Các em học sinh có đóng góp trong giờ học được tôi khen ngợi đúng mức.	The teacher praised students appropriately for their contributions

LESSON OUTCOME

Kết quả giờ học

Student items

I have learned something new in this lesson

The lesson was interesting for me

I felt comfortable in this lesson

For me, this lesson was:

- too easy
- rather easy
- appropriate
- rather difficult
- too difficult

Câu hỏi HS

Em đã học thêm được ít nhiều trong giờ học này

Giờ học làm cho em thấy hứng thú

Em cảm thấy thoải mái trong giờ học này

Giờ học này đối với em:

- too easy
- rather easy
- appropriate
- rather difficult
- too difficult
- quá dễ
- tương đối dễ
- vừa mức
- tương đối khó
- quá khó

Hattie: Seeing learning through the eyes of the students!

Hãy nhìn nhận việc học bằng con mắt của học sinh!

LESSON OUTCOME Kết quả giờ học

Student	Teacher
I have learned something new in this lesson	I achieved the learning objectives of this lesson Tôi đã thực hiện được các mục tiêu của giờ học
The lesson was interesting for me	The lesson was interesting for students Giờ học làm cho các em học sinh thấy hứng thú
I felt comfortable in this lesson	Students felt comfortable in this lesson Các em học sinh cảm thấy thoải mái trong giờ học này
For me, this lesson was: <ul style="list-style-type: none">- too easy- rather easy- appropriate- rather difficult- too difficult	The instruction was appropriate with regard to the heterogenous learning abilities of students Giờ học diễn ra phù hợp với khả năng học tập không đồng đều của học sinh trong lớp

Additional Domains

Phần tự bổ sung

- **Additional dimensions (available for use):**

Các tiêu chí tự bổ sung (có trên Website EMU)

- Dealing with heterogeneity

Dạy-học phù hợp với khả năng học tập không đồng đều của HS

- Teacher language

Ngôn ngữ của giáo viên

- Cognitive activation

Tích cực hóa hoạt động nhận thức của HS

- Quality of cooperative learning

Chất lượng của học tập hợp tác

- **Using other instruments: individual needs**

Sử dụng các bộ công cụ khác: theo nhu cầu của cá nhân

- Other questionnaires

Các bộ câu hỏi khác

- Instruments from external evaluation agencies

Công cụ đánh giá của các cơ quan đánh giá

- Self-developed items

Tự xây dựng câu hỏi

Items to be added - or instead of proposed scales

Mẫu phiếu trống để tự bổ sung câu hỏi

	(Zusatzbereich)	stimme nicht zu	stimme eher nicht zu	stimme eher zu	stimme zu
1	(Zusatzfrage)	①	②	③	④
2	(Zusatzfrage)	①	②	③	④
3	(Zusatzfrage)	①	②	③	④
4	(Zusatzfrage)	①	②	③	④
5	(Zusatzfrage)	①	②	③	④
6	(Zusatzfrage)	①	②	③	④
7	(Zusatzfrage)	①	②	③	④
8	(Zusatzfrage)	①	②	③	④
9	(Zusatzfrage)	①	②	③	④

Software

Phần mềm xử lý kết quả

Data entry	First measurement	Second measurement	Both measurements
Students	Click here	Click here	
Teacher/Colleguage	Click here	Click here	

Data entry into an Excel matrix
 Nhập dữ liệu vào một ma trận Excel

Results	First measurement	Second measurement	Both measurements
---------	-------------------	--------------------	-------------------

Basic dimensions	Nhập số liệu	Lần 1	Lần 2	Cả hai lần
Wild card items	Học sinh	Phím nhấn	Phím nhấn	
	Giáo viên/Đồng nghiệp	Phím nhấn	Phím nhấn	

Kết quả đánh giá	Lần 1	Lần 2	Cả hai lần
Năm tiêu chí chung	Phím nhấn	Phím nhấn	Phím nhấn
Tiêu chí bổ sung	Phím nhấn	Phím nhấn	Phím nhấn

In kết quả	Lần 1	Lần 2	Cả hai lần
Kết quả cả năm tiêu chí	Phím nhấn	Phím nhấn	Phím nhấn
Tiêu chí bổ sung	Phím nhấn	Phím nhấn	Phím nhấn

Software Phần mềm xử lý kết quả

Automatic production of visualizations:
 Nút nhấn tự động biểu diễn kết quả trên biểu đồ

- Profiles

đường biểu diễn trên đồ thị

- Distributions

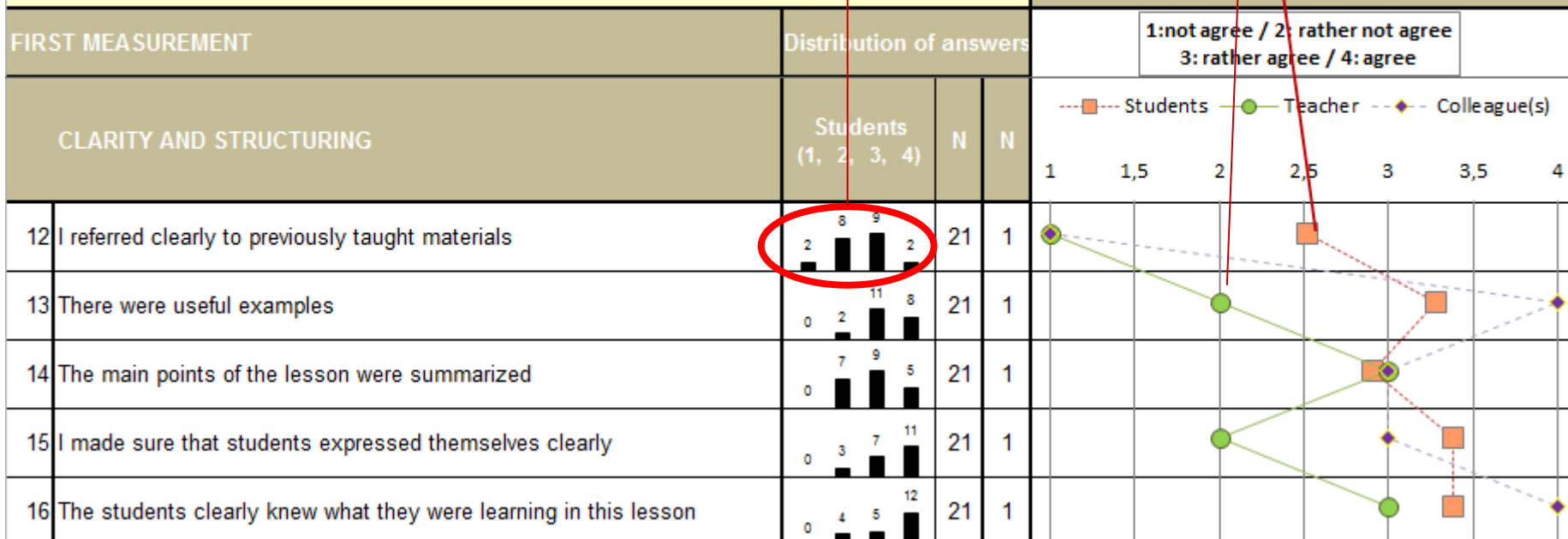
phân bố ý kiến đánh giá giờ học

Results of comparisons, 1st measurement point

Back to overview

Print

[How to interpret the results?](#)



Hattie (2009)

- **„Feedback was among the most powerful influences on achievement.**

Thông tin phản hồi là một trong những yếu tố có ảnh hưởng mạnh mẽ nhất đến thành tích học tập.

- **The mistake I was making was seeing feedback as something teachers provided to students. I discovered that feedback was most powerful when it is **from the student to the teacher**...**“ (S. 173).

Sai lầm mà tôi đã phạm phải là chỉ nhìn thấy chiều thông tin phản hồi từ giáo viên tới học sinh. Tôi đã phát hiện ra rằng thông tin phản hồi có tác dụng mạnh mẽ nhất khi nó đi theo chiều từ học sinh đến giáo viên... "

Sensitizing for within-classroom diversity

Tăng độ nhạy cảm về sự đa dạng của các học sinh trong lớp

For me, the lesson was...

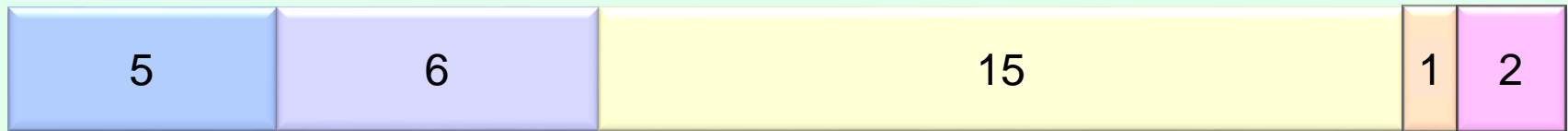
▣ too easy

▣ easy

▣ appropriate

▣ difficult

▣ too difficult



Students' answers

Hattie, Visible Learning (2009)

"A key is not whether teachers are excellent, or even seen to be excellent by their colleagues, but whether they are excellent as **seen by students** - the students sit in the classes, they know whether their teacher sees learning through their eyes, and they know the quality of the relationship.

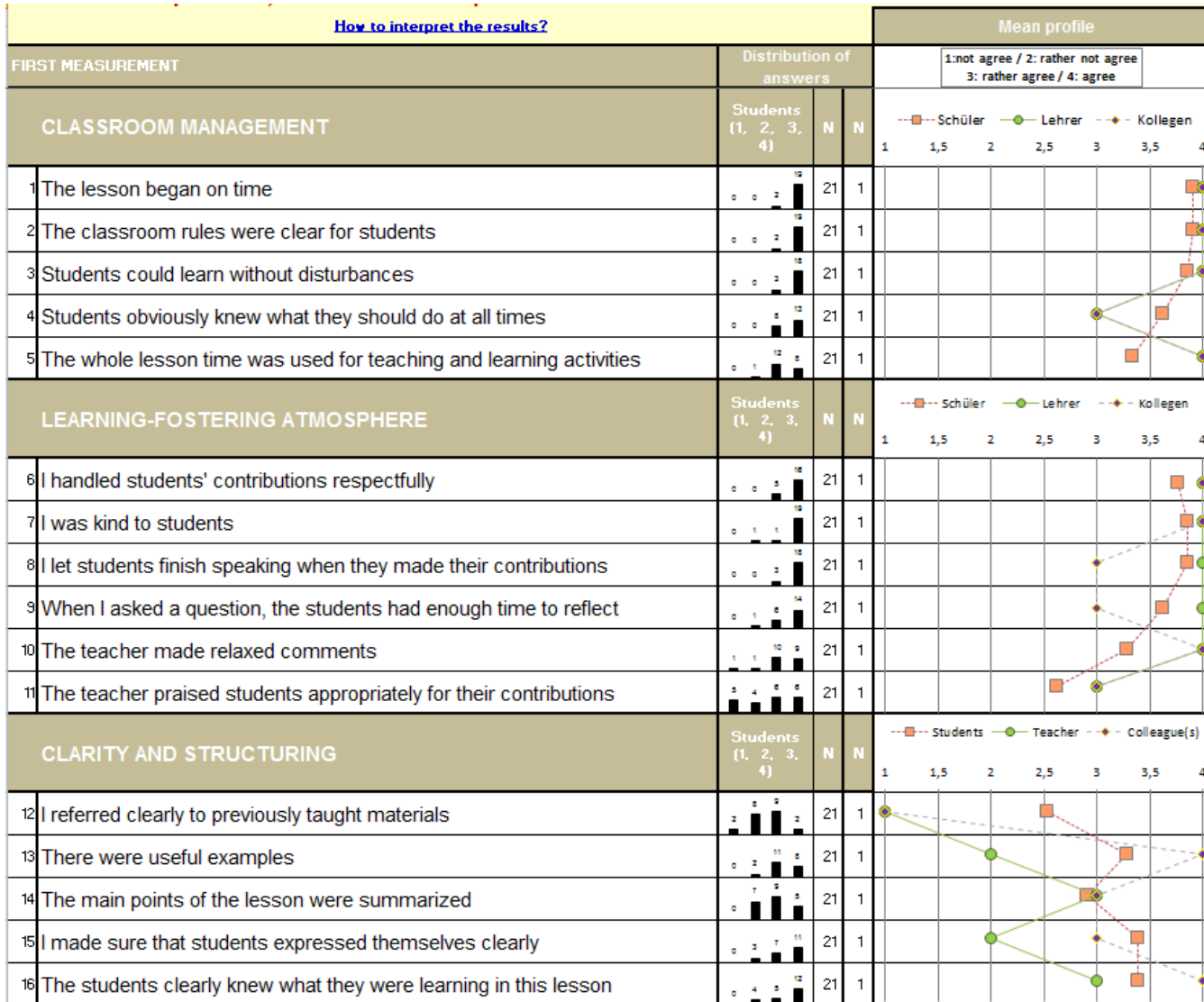
The visibility of learning from the **students' perspective** needs to be known by the teachers so that they can have a better understanding of what learning looks and feels like for the students" (p. 116)

„Chìa khóa giải quyết vấn đề không phải ở chỗ người giáo viên được xem là xuất sắc, kể cả từ con mắt của các đồng nghiệp mà ở chỗ từ con mắt của học sinh - Học sinh là người học trực tiếp trong lớp nên các em biết rõ liệu người thầy có nhìn nhận được việc học từ con mắt các học sinh của mình hay không, cũng như các em hiểu rất rõ về chất lượng của mối quan hệ thầy trò.

Giáo viên cần nhận dạng được việc học từ góc độ người học để có thể hiểu biết rõ hơn việc học tập của các em cũng cảm nhận được việc học như chính học sinh của mình“

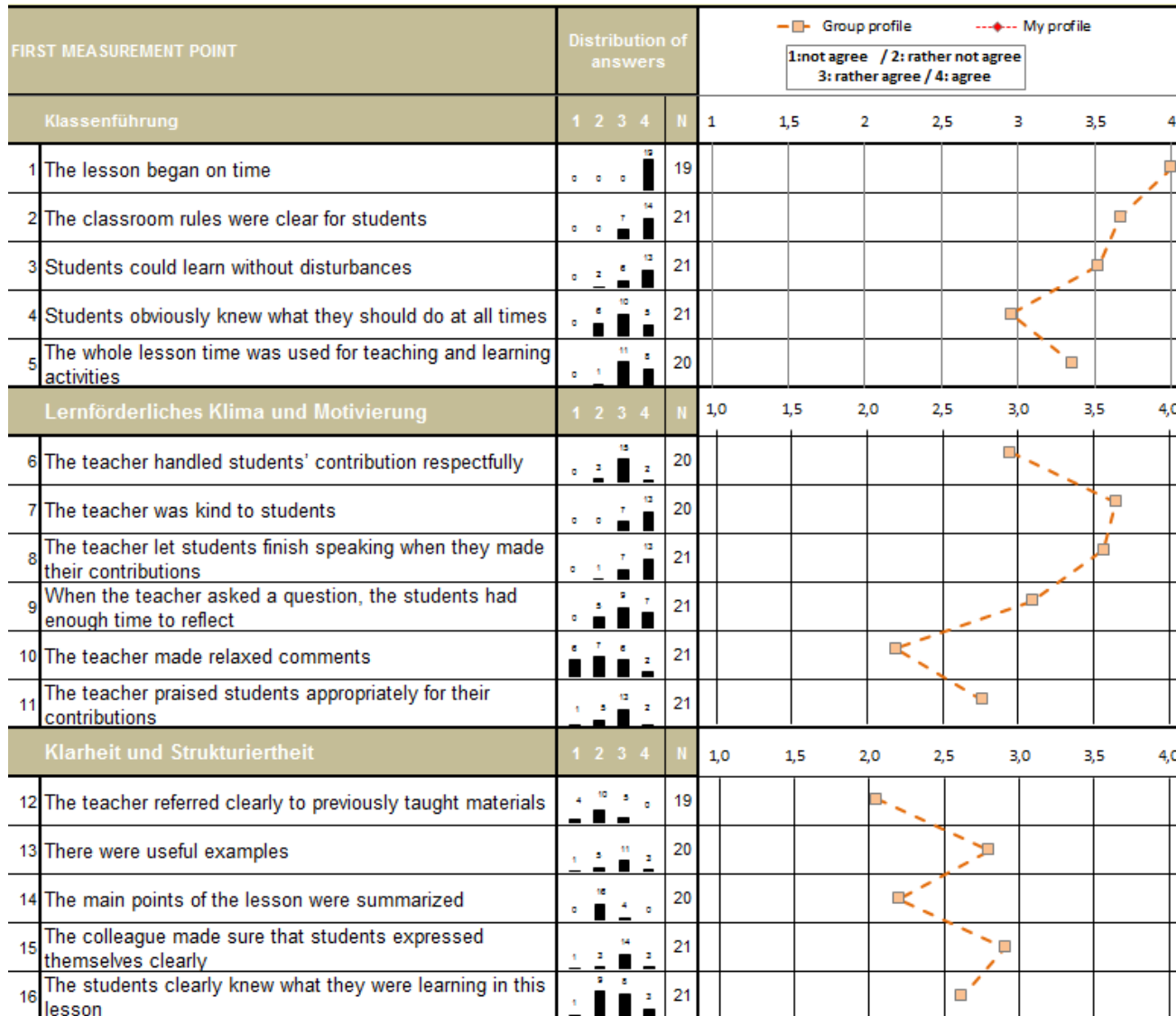
Teacher versus student ratings

Where and why is class perception different from mine?



**Đổi chiều
đánh giá của
giáo viên và
học sinh. Ở
tiêu chí nào
và vì sao
có sự khác
biệt này?**

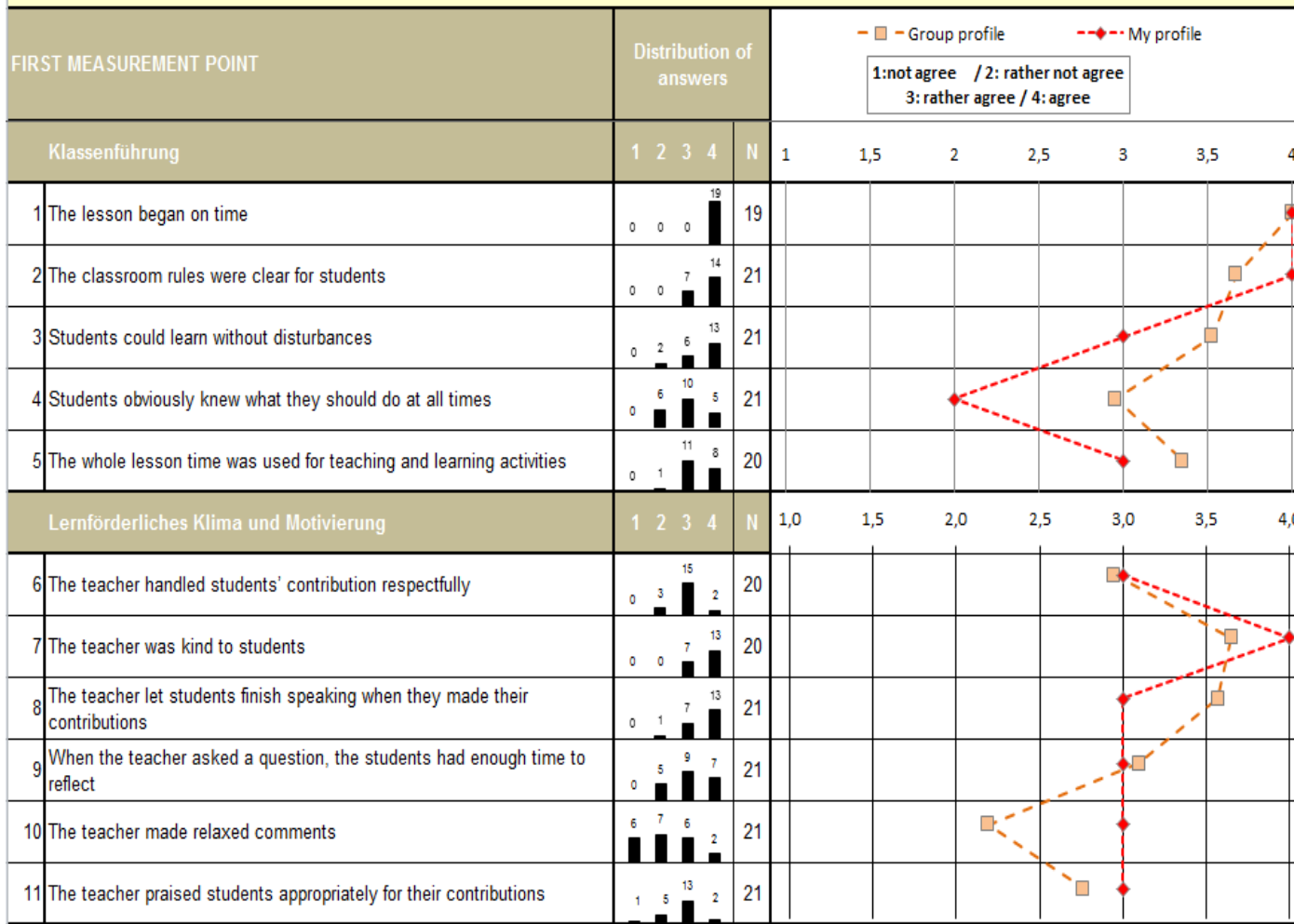
Observation of instruction by a group: Where is consensus, where is dissent – and why?



Quan sát giờ học của nhóm đồng nghiệp. Ở tiêu chí nào có sự thống nhất hay bất đồng ý kiến đánh giá và vì sao?

Individual vs. group profile

Where do I agree with, where do I differ from others? Why?



Đổi chiều ý kiến cá nhân và nhóm. Ở tiêu chí nào có sự phù hợp hay không phù hợp về ý kiến đánh giá và vì sao?

**Thank you for your
attention!**

**Cảm ơn sự chú ý
của quý vị!**



EMU